

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, Sở Tư pháp nhận được bản giấy hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1754/SNN-CCPTNT ngày 09 tháng 6 năm 2023). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾, Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Tiết d điểm 7 khoản VI Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh: “*Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương*”; trên cơ sở hướng dẫn tại khoản 4 mục VI Công văn số 5668/BNN-KTHT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương*”.

Căn cứ quy định và hướng dẫn nêu trên; quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum là phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. *Phạm vi điều chỉnh*: Theo quy định tại tiết c, tiết d điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg, nội dung hỗ trợ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (*trong thời gian đầu tại nơi tái định cư*), nước sinh hoạt (*nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung*); hỗ trợ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác (*trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ*). Với quy định được dự kiến tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (*và còn được thể hiện thông qua tên gọi dự thảo Nghị quyết*), mức hỗ trợ được quy định tương ứng cho các nội dung trên.

Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy, Điều 2 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức hỗ trợ cho **một số nội dung** được quy định tại tiết c, điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg và nội dung được quy định tại tiết đ, điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg mà không phải mức hỗ trợ cho **toàn bộ** các nội dung được quy định tại Quyết định số 590/QĐ-TTg. Như vậy, phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại khoản 1 Điều 1 không phù hợp với các nội dung khác của dự thảo Nghị quyết. Từ các lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh để đảm bảo thống nhất với các nội dung có trong dự thảo. Cụ thể:

- Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cho một số nội dung được quy định tại tiết c, điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg và nội dung được quy định tại tiết đ, điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg, đề nghị xem xét, chỉnh lý khoản 1 Điều 1 theo hướng sau⁽²⁾: “*Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho một số nội dung để thực hiện bố trí ổn định dân cư tại các vùng... ” (Khi chỉnh lý phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 theo hướng trên, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp).*

- Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo giữ nguyên phạm vi điều chỉnh như đã dự kiến, đề nghị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đầy đủ mức hỗ trợ cho các nội dung được quy định tại Quyết định số 590/QĐ-TTg.

2.2. Đối tượng áp dụng:

⁽²⁾ Lưu ý, nội dung được Sở Tư pháp biên tập lại chỉ mang tính tham khảo đối với cơ quan chủ trì soạn thảo.

Một trong các đối tượng áp dụng được dự kiến tại điểm đ khoản 2 Điều 1 dự thảo là: “*Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái tập trung xen ghép*”. Sở Tư pháp nhận thấy, toàn bộ dự thảo không quy định mức hỗ trợ đối với cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái tập trung xen ghép. Vì vậy, không cần thiết quy định đối tượng áp dụng là: “*Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái tập trung xen ghép*”⁽³⁾. Bên cạnh đó, ngoài các đối tượng được dự kiến tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết thì còn có đối tượng khác phải là đối tượng áp dụng như các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

Từ lý do trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến, bổ sung đầy đủ các chủ thể mà văn bản tác động tới (*trên cơ sở đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quá trình tổ chức thực hiện*).

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản khác do Hội đồng nhân dân đã ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số vấn đề sau:

3.1. Đề nghị xem xét, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng với lý do đã được nêu tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Phần căn cứ ban hành Nghị quyết đề nghị xem xét, bổ sung các căn cứ sau cho đầy đủ, phù hợp với thẩm quyền về nội dung của văn bản: “*Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*”.

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp nhận thấy, Quyết định số 590/QĐ-TTg không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì Quyết định số 590/QĐ-TTg không là căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, loại bỏ. Trong trường hợp cần thiết, biên tập lại là: “***Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày...***”.

3.3. Tên gọi dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập lại theo hướng sau cho chính xác, đúng quy định: “*Quy định một số mức hỗ trợ để thực hiện Chương*

⁽³⁾ Trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép theo quy định tại tiết d điểm 2 khoản IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg thì đối tượng áp dụng được dự kiến tại điểm đ khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là phù hợp.

trình *Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*⁽⁴⁾. Khi chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý các nội dung khác có liên quan.

3.4. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo, đối tượng được hỗ trợ (*đối tượng áp dụng*) là **hộ gia đình, cá nhân**. Tuy nhiên, khoản 1, khoản 3 Điều 2 dự thảo chỉ quy định mức hỗ trợ đối với **hộ gia đình** mà chưa quy định mức hỗ trợ đối với cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với đối tượng áp dụng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cá nhân cho các nội dung được dự kiến tại khoản 1, khoản 3 Điều 2 dự thảo.

3.5. Theo quy định tại Quyết định số 590/QĐ-TTg và tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, vùng thiên tai là một trong các vùng thuộc phạm vi của Chương trình và theo tinh thần chung, khi cá nhân, hộ gia đình phải di dời người và tài sản ra khỏi vùng thiên tai được hỗ trợ di chuyển. Tuy nhiên, tại ký hiệu (-) thứ nhất khoản 1 Điều 2 chỉ quy định mức hỗ trợ đối với hộ gia đình ở vùng có **nguy cơ** thiên tai mà không quy định mức hỗ trợ đối với hộ gia đình phải di chuyển người và tài sản ra khỏi vùng thiên tai. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định đối với hộ gia đình (*và cá nhân*) khi phải di chuyển người và tài sản ra khỏi **vùng thiên tai** được hay không được hỗ trợ. Trường hợp được hỗ trợ, đề nghị bổ sung.

Tương tự, khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 1 quy định đối tượng được hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài. Tuy nhiên, toàn bộ dự thảo không quy định mức hỗ trợ đối hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung việc hỗ trợ đối với đối tượng này⁽⁵⁾.

3.6. Theo dự kiến tại ký hiệu (-) thứ hai khoản 1 Điều 2, hộ gia đình bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền Việt Nam- Lào, Việt Nam- Cam Pu Chia nếu di chuyển đến thôn, làng sát biên giới, mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ; đến thôn làng, khác (*không giáp biên giới*), mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/hộ. Quy định trên chưa rõ việc di chuyển được thực hiện đến thôn, làng trong cùng địa giới hành chính (*xã, huyện, tỉnh*) hay không cùng địa giới hành chính.

Sở Tư pháp nhận thấy, trường hợp quy định **mức hỗ trợ như nhau** cho các hộ gia đình ở thôn, làng các xã biên giới phải di chuyển trong địa giới hành chính và ngoài địa giới hành chính là không hợp lý, không khuyến khích được các hộ gia đình, cá nhân ở các xã biên giới di chuyển ra ngoài địa giới hành chính. Để khắc phục điểm bất hợp lý này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên

⁽⁴⁾ Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định toàn bộ các mức hỗ trợ theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 590/QĐ-TTg, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cho phù hợp

⁽⁵⁾ Đối với đối tượng này, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tham mưu quy định theo hướng: mức bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

cứ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ khác nhau đối với các hộ gia đình, cá nhân ở thôn, làng các xã biên giới di chuyển trong địa giới hành chính và các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển ra ngoài địa giới hành chính.

Theo quan điểm của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo nên tham mưu quy định mức hỗ trợ khác nhau theo hướng: Hộ gia đình, cá nhân ở các xã biên giới di chuyển đến thôn, làng tiếp giáp biên giới và khác địa giới hành chính huyện; hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến thôn, làng tiếp giáp biên giới và khác địa giới hành chính cấp tỉnh được hỗ trợ với mức khác nhau. Tương tự, quy định mức hỗ trợ khác nhau đối với hộ gia đình, cá nhân ở thôn làng tiếp giáp biên giới di chuyển đến thôn, làng không tiếp giáp biên giới và không thuộc địa giới hành chính cấp huyện, cấp tỉnh có thôn, làng của hộ gia đình, cá nhân di chuyển.

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp cũng nhận thấy, việc sử dụng thuật ngữ “*sát biên giới*” là chưa chính xác, cụ thể và chưa phù hợp với Luật Biên giới quốc gia, Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Biên giới quốc gia, Nghị định số 140/2004/NĐ-CP để thay thế cho thuật ngữ trên.

3.7. Ký hiệu (-) thứ 3 khoản 1 Điều 2 quy định hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, **hỏa hoạn** hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Phòng chống thiên tai (*đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều*) thì “*thiên tai*” bao gồm: sạt lở đất, lũ, lụt... Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cũng đã chú thích cụ thể đối với vùng thiên tai. Vì vậy, khi sử dụng thuật ngữ thiên tai đã bao gồm các hiện tượng tự nhiên bất thường là sạt lở đất, lũ, lụt, cháy rừng do tự nhiên. Vì vậy, việc liệt kê như dự kiến tại ký hiệu (-) thứ 3 khoản 1 Điều 2 dự thảo là không cần thiết. Bên cạnh đó, “*hỏa hoạn*” (*nếu không thuộc trường hợp cháy rừng do tự nhiên*) không thuộc phạm vi điều chỉnh đã được xác định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo.

Từ các lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức nghiên cứu đề chỉnh lý quy định tại ký hiệu (-) thứ 3 khoản 1 Điều 2 dự thảo cho phù hợp với quy định của Luật Phòng chống thiên tai (*đã được sửa đổi, bổ sung*); phù hợp với phạm vi điều chỉnh đã được xác định tại khoản 1 Điều 1.

3.8. Theo quy định tại Điều 3 dự thảo, nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp. Tuy nhiên, điểm 1 khoản V Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định ngoài nguồn vốn ngân sách còn có các nguồn vốn hợp pháp khác được sử dụng để thực hiện Chương trình. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại điểm 1 khoản V Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg để chỉnh lý nội dung Điều 3 dự thảo cho phù hợp.

3.9. Đối với mức hỗ trợ cụ thể được dự kiến, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của Trung ương để thuyết minh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định mức hỗ trợ cụ thể*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ*) và Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, thứ tự các khoản tại Điều 2 dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng chữ cái tiếng Việt (*a, b, c...*) thay cho ký hiệu (-).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁶⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Tuy nhiên, qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến không đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, **ngày đăng tải là ngày 31 tháng 5 năm 2023; ngày hết hạn là ngày 31 tháng 6 năm 2023**. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc đăng tải để lấy ý kiến theo đúng quy định của pháp luật⁽⁷⁾. Trên cơ sở các ý kiến tham gia (*nếu có*), cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp để chỉnh lý dự thảo (*hoặc giải trình đối với các ý kiến không được tiếp thu*).

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý một số vấn đề đã được nêu trong Báo cáo thẩm định này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽⁸⁾.

⁽⁶⁾ Theo trình bày tại Công văn số 1754/SNN-CCPTNT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁽⁷⁾ Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật; điểm a khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: Văn bản trái pháp luật bao gồm văn bản...vi phạm quy định của pháp luật về lấy ý kiến.

⁽⁸⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽⁹⁾.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bó trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật